

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MT03004: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
(ENVIRONMENTAL IMPACT ASSESSMENT)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: **5**
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 02 (Lý thuyết 02 – Thực hành 0 – Tự học 06)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: **21 tiết**
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: **09 tiết**
- Giờ tự học: **90 tiết**
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: **Công nghệ môi trường**
 - Khoa: **Môi trường**
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

- Về kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về khung pháp lý trong bảo vệ môi trường trong lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án phát triển; tác động của việc sử dụng tài nguyên, sự phát thải tới nguy cơ suy thoái chất lượng môi trường.
- Về kỹ năng: Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thu thập thông tin phục vụ phân tích hệ thống môi trường; Kỹ năng xử lý số liệu, lập báo cáo theo đúng quy định của pháp luật.
- Về thái độ: Học phần rèn luyện cho sinh viên năng lực chủ động học tập, cập nhật kiến thức và hình thành quan điểm trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

*** Kết quả học tập mong đợi của chương trình**

Sau khi hoàn tất Chương trình, Sinh viên có thể:

Kiến thức chung	CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
-----------------	--

Kiến thức chuyên môn	CDR2: Phân tích chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.
	CDR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
	CDR4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
	CDR 5: Thiết kế các công trình xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.
Kỹ năng chung	CDR 6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
	CDR7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng.
	CDR8: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng; đạt chuẩn Tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CDR 9: Vận dụng các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
	CDR 10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
Thái độ	CDR11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
	CDR12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT												
		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	
MT 03004	Đánh giá tác động môi trường	P	P	R	M	I	I				I	I	I	I

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Phân tích mối quan hệ giữa các thành phần của môi trường; mối quan hệ giữa môi trường và phát triển	CDR2: Phân tích chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu. CDR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
		dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
K2	Vận dụng các cơ sở pháp lý trong đánh giá tác động môi trường	CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
K3	Vận dụng các phương pháp trong đánh giá tác động môi trường	CĐR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
K4	Xây dựng giải pháp giảm thiểu tác động môi trường cho dự án đầu tư phù hợp với yêu cầu của các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.	CĐR4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội CĐR 5: Thiết kế các công trình xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.
Kỹ năng		
K5	Thu thập thông tin, xử lý thông tin phục vụ hiệu quả cho xây dựng cơ sở dữ liệu đánh giá tác động môi trường	CĐR 9: Vận dụng các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
K6	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định	CĐR8: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng; đạt chuẩn Tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
K7	Bảo vệ các phương án giảm thiểu tác động môi trường dựa trên việc sử dụng các kỹ thuật hiện đại và theo qui định bằng tư duy phản biện với các lập luận khoa học vững chắc.	CĐR 6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan. CĐR10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
Thái độ		
K8	Xây dựng định hướng nghề nghiệp tương lai, chủ động học tập và cập nhật hoàn thiện kiến thức trong đánh giá tác động môi trường	CĐR11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
K9	Thể hiện sự nghiêm túc và tinh thần trách nhiệm trong đánh giá tác động môi trường và bảo vệ môi trường phục vụ	CĐR12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
	phát triển bền vững	triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

MT03004. Đánh giá tác động môi trường (Environmental Impact Assessment). (2TC: 2 – 0 – 6, 90).

Mô tả vắn tắt nội dung:

Học phần bao gồm các nội dung về khái niệm, vai trò của đánh giá tác động môi trường trong tiến trình phát triển; hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến đánh giá tác động môi trường; Các phương pháp thường được sử dụng trong đánh giá tác động môi trường; Nội dung, cấu trúc cơ bản của báo cáo đánh giá tác động môi trường và trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường;

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Giảng dạy trên lớp
- Seminar, thảo luận nhóm
- Tiểu luận chuyên đề
- **Đạy qua e-learning** (<http://elearning.vnua.edu.vn/ch%E1%BB%A7-%C4%91%E1%BB%81/moi-truong>)

2. Phương pháp học tập

- Tham gia thảo luận, trao đổi trên lớp
- Tự học: đọc tài liệu, làm bài tập, nghiên cứu tài liệu
- Học theo nhóm: thảo luận về các vấn đề liên quan đến các khía cạnh tác động môi trường của dự án
- E – learning: Tìm và tra cứu tài liệu; thảo luận nhóm theo chủ đề; làm bài tập

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: SV phải tham dự ít nhất 75% số tiết trên lớp và tham gia các hoạt động trên lớp.
- Thuyết trình và Thảo luận: SV phải tham gia thảo luận tại lớp học; làm việc theo nhóm thực hiện bài thuyết trình; xây dựng bài tiểu luận chuyên đề theo yêu cầu.
- Tự học: Sinh viên nên đọc; tổng hợp các tài liệu do giảng viên cung cấp thông qua hệ thống E – learning, thực hiện trao đổi nhóm có sự hướng dẫn của người dạy.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

- Điểm quá trình: 50%
 - + Thảo luận nhóm: 20%
 - + Báo cáo nhóm và thuyết trình: 10%

- + Tiểu luận chuyên đề: 20%
- Điểm kiểm tra cuối kì: 50%

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1. Ma trận đánh giá các kết quả học tập mong đợi của học phần

Các KQHTMĐ của HP	Thảo luận nhóm (20%)	Báo cáo nhóm và thuyết trình (10%)	Tiểu luận chuyên đề (20%)	Thi cuối kỳ (50%)
K1	x	x		x
K2	x	x	x	x
K3	x		x	x
K4		x		x
K5			x	
K6		x	x	
K7		x		
K8	x	x	x	
K9	x		x	

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1. Phân tích mối quan hệ giữa môi trường và phát triển
K1	Chỉ báo 2. Phân tích mối quan hệ giữa các thành phần môi trường
K1	Chỉ báo 3. Phân tích vai trò, ý nghĩa và vị trí của đánh giá tác động môi trường
K2	Chỉ báo 4. Vận dụng cơ sở pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường
K2	Chỉ báo 5. Vận dụng các quy định pháp luật về đánh giá tác động môi trường
K2	Chỉ báo 6. Vận dụng quy trình thực hiện đánh giá tác động môi trường và các hồ sơ môi trường khác
K3	Chỉ báo 7. Vận dụng các phương pháp trong xác định và dự báo tác động
K3	Chỉ báo 8. Vận dụng các phương pháp giảm thiểu tác động và bảo vệ môi trường
K4	Chỉ báo 9. Vận dụng yêu cầu của chương trình quản lý, giám sát môi trường cho dự án đầu tư
K4	Chỉ báo 10. Xây dựng giải pháp giảm thiểu tác động, chương trình quản lý, giám sát môi trường cho dự án đầu tư

3. Các rubrics đánh giá

Rubric 1. Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 7-8,4 điểm	Trung bình 4-6,9 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Thời gian tham dự	20	Tham gia đầy đủ, thực hiện đúng phân công	Tham gia chưa đầy đủ theo phân công	Tham gia không theo phân công	Không tham gia

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 7-8,4 điểm	Trung bình 4-6,9 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Thái độ tham dự	20	Luôn chú ý và tham gia đầy đủ, hợp tác tốt (Thường xuyên đóng góp ý kiến vào sản phẩm chung của nhóm)	Khá chú ý, có tham gia (Có đóng góp ý kiến vào sản phẩm chung của nhóm)	Có chú ý, ít tham gia (Ít đóng góp ý kiến vào sản phẩm chung của nhóm)	Không chú ý/không tham gia, gây mâu thuẫn nhóm (Không đóng góp ý kiến vào sản phẩm chung của nhóm)
Nêu vấn đề/câu hỏi thảo luận	20	Vấn đề/câu hỏi phù hợp với nội dung bài học, có tính gợi mở và vận dụng	Vấn đề/câu hỏi khá phù hợp với nội dung bài học, có tính vận dụng	Vấn đề/câu hỏi tương đối phù hợp với nội dung bài học, không có tính gợi mở hoặc vận dụng	Không đặt được vấn đề/câu hỏi hoặc vấn đề/câu hỏi không phù hợp với nội dung bài học
Kết quả thảo luận	40	Kết quả đầy đủ	Kết quả khá đầy đủ	Kết quả tương đối đầy đủ	Không có kết quả

Rubric 2. Báo cáo nhóm và thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 7-8,4 điểm	Trung bình 4-6,9 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	20	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn	Hoàn thành đúng thời gian, tỉnh	Hoàn thành đúng thời gian, không	Quá giờ

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 7-8,4 điểm	Trung bình 4-6,9 điểm	Kém 0-3,9 điểm
		toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	linh hoạt theo tình huống.	
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng

Rubric 3. Tiểu luận chuyên đề

- Mục đích: Tiểu luận được yêu cầu thực hiện nhằm đánh giá việc sinh viên đạt được một cách trọn vẹn (mức M) CDR 4, đó là “Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội”
- Chủ đề tiểu luận: Sinh viên làm việc theo nhóm 10 người viết 1 Tiểu luận thuộc 1 trong các chủ đề sau (tự chọn). Tài liệu học tập là các thông tin về các dự án đầu tư, các vấn đề môi trường khi dự án triển khai được giảng viên cung cấp **và SV tự tìm kiếm**.
 - Xây dựng giải pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường của viện triển khai dự án đầu tư xây dựng Thủy điện
 - Xây dựng giải pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường của viện triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp
 - Xây dựng giải pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường của viện triển khai dự án đầu tư xây dựng đường giao thông
 - Xây dựng giải pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường của viện triển khai dự án đầu tư xây dựng Khu xử lý chất thải rắn
 - Xây dựng giải pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường của viện triển khai dự án đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái.

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 7-8,4 điểm	Trung bình 4-6,9 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Cấu trúc	05	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
Nêu vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề
Nền tảng lý thuyết	10	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết tương đối phù hợp	Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 7-8,4 điểm	Trung bình 4-6,9 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Nội dung theo yêu cầu	10	Đưa ra các giải pháp bền vững cho quản lý và bảo vệ MT và TN phù hợp với khoa học	Khá phù hợp với khoa học	Tương đối phù hợp với khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Hơn 2 điểm không phù hợp với khoa học
	10	Đưa ra các giải pháp bền vững cho quản lý và bảo vệ MT và TN phù hợp với nhân văn	Khá phù hợp với nhân văn	Tương đối phù hợp với nhân văn còn 1 sai sót quan trọng	Hơn 2 điểm không phù hợp với nhân văn
	10	Đưa ra các giải pháp bền vững cho quản lý và bảo vệ MT và TN phù hợp với lợi ích kinh tế	Khá phù hợp với lợi ích kinh tế	Tương đối phù hợp với lợi ích kinh tế, còn 1 sai sót quan trọng	Hơn 2 điểm không phù hợp với lợi ích kinh tế
Mức độ của thông tin	10	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Lập luận	10	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo chất lượng	Không chặt chẽ, logic
Kết luận	15	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi đánh máy	Lỗi chính tả và đánh máy khá nhiều	Lỗi chính tả và đánh máy rất nhiều

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Nộp bài tập chậm: Tất cả các trường hợp nộp bài tập chậm không được tính điểm

Tham gia học tập trên lớp: Không tham gia làm thảo luận nhóm và thuyết trình, không có bài tiểu luận chuyên đề không đủ điều kiện dự thi hết môn

Yêu cầu về đạo đức: Không có hành vi gian lận, sao chép trong làm tiểu luận và dự thi

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Giáo trình/bài giảng

1. Nguyễn Thượng Bằng, *Đánh giá tác động môi trường công trình thủy lợi, thủy điện*, 2017, NXB Xây dựng
2. Lê Trình, *Đánh giá tác động môi trường và xã hội của các dự án đầu tư trong nước và quốc tế*, 2015, NXB Khoa học kỹ thuật

*** Các tài liệu khác**

1. Lê Xuân Hồng, *Cơ sở Đánh giá tác động môi trường*, 2006, NXB Thống kê Hà Nội
2. Quốc hội XIII, *Luật bảo vệ môi trường 2014*, Luật số 55/2014/QH13.
3. Thủ tướng chính phủ, *Quy định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, Đánh giá môi trường chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường*, 2015, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Đánh giá môi trường chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường*, 2015, Thông tư 27/2015/BTNMT
5. Trịnh Quang Huy và cộng tác viên, *Điều tra đánh giá ảnh hưởng của các trang trại chăn nuôi tập trung đến môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*, 2013, Báo cáo tổng kết đề tài cấp tỉnh 2013
6. Trịnh Quang Huy và cộng tác viên, *Điều tra công tác quản lý, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại khu vực nông thôn tỉnh Hải Dương và đề xuất các biện pháp quản lý để cải thiện môi trường*, 2015, Báo cáo tổng kết đề tài cấp tỉnh năm 2015
7. Trịnh Quang Huy và cộng tác viên, *Khảo sát, thống kê, phân loại nguồn thải từ các cơ sở trong và ngoài khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*, 2016, Báo cáo tổng kết đề tài cấp tỉnh năm 2016
8. Nguyễn Ngọc Tú và cộng tác viên, *Đề án tổng thể môi trường tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Nghệ An, đề xuất các giải pháp quản lý và giảm thiểu ô nhiễm*, 2017, Báo cáo tổng kết đề tài cấp tỉnh năm 2017
9. Hoàng Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Thu Hà và cộng tác viên, *Health risk associated with the potentially toxic cyanobacteria blooms in the lakes of Hanoi by biovolume method*, 2015, Tạp chí khoa học và công nghệ tập 53 (3A).
10. Tạ Thị Yến, Đinh Tiến Dũng, Nguyễn Thị Thu Hà, *Đánh giá rủi ro của chì và cadimi tới sinh vật thủy sinh quy mô phòng thí nghiệm*, 2018, Tạp chí xây dựng Việt Nam (3.2018)
11. Trần Đức Việt, Nguyễn Thị Thu Hà và cộng tác viên, *Đánh giá sơ bộ rủi ro môi trường do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An*, 2018, Khoa học nông nghiệp Việt Nam tập 14 (12).

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1-2	Chương 1: Kiến thức chung về môi trường và phát triển	
	<p><i>A/ Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</i> Nội dung giảng dạy lý thuyết: (5 tiết)</p> <p>a. Khái niệm môi trường Khái niệm Các thành phần môi trường Chức năng của môi trường</p> <p>b. Quan hệ giữa môi trường và phát triển</p> <p>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Quan điểm phát triển bền vững • Chức năng (liên quan sức tải) của môi trường 	K1, K8
	<p><i>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thành phần môi trường • Các hoạt động phát triển • Ảnh hưởng của phát triển đến môi trường 	K1, K8, K9
3-5	Chương 2: Khái niệm đánh giá tác động môi trường	
	<p><i>A/ Các nội dung chính trên lớp: (9 tiết)</i> Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết)</p> <p>2.1. Lịch sử ra đời 2.2. Định nghĩa tác động môi trường 2.3. Định nghĩa đánh giá tác động môi trường 2.4. Mục đích, ý nghĩa của đánh giá tác động môi trường 2.5. Vị trí của đánh giá tác động môi trường trong tiến trình phát triển</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tiến trình hình thành dự án • Phân loại dự án • Phân loại các dạng đánh giá tác động môi trường <p>2.6. Hệ thống văn bản pháp luật liên quan</p> <p>Nội dung semina/thảo luận: (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Vai trò của các bên liên quan trong đánh giá tác động môi trường • Nội dung của các văn bản pháp lý hiện hành liên quan 	K1, K2, K5, K6
	<p><i>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (27 tiết)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các vấn đề liên quan đánh giá tác động môi trường theo quy định hiện nay • Đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường • Chủ thể của đánh giá tác động môi trường • Vai trò các bên liên quan trong đánh giá tác động môi trường 	K1, K2, K5, K6, K8, K9
6-8	Chương 3: Nội dung, trình tự đánh giá tác động môi trường	
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp: (9 tiết)</i>	K2, K3, K4,

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	<p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết)</p> <p>3.1. Cấu trúc của báo cáo đánh giá tác động môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cấu trúc báo cáo ĐTM <p>3.2. Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trình tự và nội dung lược duyệt • Xác định phạm vi, mức độ, đối tượng tác động • Đánh giá hiện trạng môi trường nền • Xác định nguồn gốc và dự báo tác động môi trường • Lựa chọn biện pháp quản lý và giảm thiểu tác động <p>Nội dung semina/thảo luận: (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xác định phạm vi, mức độ, đối tượng tác động • Đánh giá hiện trạng môi trường nền • Xác định nguồn gốc và dự báo tác động môi trường 	K6, K7
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (27 tiết)</p> <p>3.1. Cấu trúc của báo cáo đánh giá tác động môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cấu trúc báo cáo ĐTM • Cấu trúc báo cáo ĐMC • Cấu trúc báo cáo Kế hoạch BVMT <p>3.2. Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường</p>	K2, K3, K4, K6, K7, K8, K9
9-10	<p>Chương 4. Các phương pháp đánh giá tác động môi trường</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (4 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phân loại các phương pháp đánh giá tác động môi trường • Đặc điểm của từng phương pháp (khái niệm, ưu điểm, nhược điểm, cách tiến hành) <p>Nội dung semina/thảo luận (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phạm vi áp dụng của phương pháp • Thảo luận cách làm một số phương pháp (liệt kê, danh mục, sơ đồ mạng lưới, ma trận) 	K3, K4, K6
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Làm tiểu luận ứng dụng của một số phương pháp (liệt kê, danh mục, sơ đồ mạng lưới, ma trận, mô hình hóa...) 	K3, K4, K6, K8

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học: đáp ứng số lượng sinh viên/lớp
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng viết và Projector
- Các phương tiện khác: Giấy A0, Phấn/Bút viết bảng
- E – learning

X. Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

- Lần 1: 7/2016

- Lần 2: 7/ 2017
- Lần 2: 7/ 2018
- Lần 4: 7/ 2019

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

Hà Nội, ngày tháng năm
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

THS. NGUYỄN NGỌC TÚ

TS. TRỊNH QUANG HUY

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. NGÔ THẾ ÂN

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần:

Họ và tên: Trịnh Quang Huy	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: CN210 tòa nhà Thú y – Môi trường, Học viện nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: +84 24 6 2617694
Email: tqhuy@vnua.edu.vn	Trang web: http://kmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email, văn phòng bộ môn	

Giảng viên giảng dạy học phần:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: CN210 tòa nhà Thú y – Môi trường, Học viện nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: +84 24 6 2617694
Email: ha170086@gmail.com	Trang web: http://kmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email, văn phòng bộ môn	

Giảng viên giảng dạy học phần:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tú	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: CN210 tòa nhà Thú y – Môi trường, Học viện nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: +84 24 6 2617694
Email: nguyenngoctu@vnua.edu.vn	Trang web: http://kmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email, văn phòng bộ môn	